

ĐẶC ĐIỂM CHIẾN TRANH NHÂN DÂN Ở QUẢNG BÌNH TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ

ThS. MAI XUÂN TOÀN

Trưởng Ban Thi đua Khen thưởng tỉnh Quảng Bình

Từ đầu những năm 1960, đế quốc Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hòa đã có nhiều hoạt động công khai và ngầm ngấm chống phá miền Bắc, nhưng phải đến đầu năm 1965, đế quốc Mỹ mới chính thức mở rộng chiến tranh chống nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa bằng cách tấn công tổng lực cả đường không và đường biển. Quảng Bình có vị trí chiến lược về nhiều mặt, cùng với Vĩnh Linh gánh vác sứ mệnh là tuyến đầu miền Bắc, hậu phương lớn của cách mạng miền Nam, trực tiếp là chiến trường Trị - Thiên, vừa trung tâm đầu mối của tất cả các tuyến đường chi viện chiến trường miền Nam, Lào và Campuchia. Do đó, đế quốc Mỹ chọn nơi đây làm trọng điểm ngăn chặn có tính chiến lược. Quảng Bình là nơi “*tâm điểm*” những mục tiêu, phương thức tiến hành, những lực lượng không quân và hải quân, những loại vũ khí hiện đại nhất của cuộc chiến tranh ngăn chặn và phong tỏa nhằm hủy diệt và cắt đứt đầu mối của những tuyến đường chiến lược chi viện cách mạng miền Nam. Để hoàn thành sứ mệnh và trọng trách lịch sử, nhân dân Quảng Bình đã phát huy cao độ chủ nghĩa anh hùng cách mạng, vận dụng sáng tạo đường lối quân sự của Đảng vào điều kiện cụ thể của địa phương để hình thành thế trận chiến tranh nhân dân, tạo nên sức mạnh tổng hợp để đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Thế trận đó được xây dựng trên ba nền tảng xã hội là sự lãnh đạo của các tổ chức Đảng, vai trò nòng cốt của lực lượng vũ trang và sự tham gia của các tầng lớp nhân dân, với 3 nhiệm vụ cơ bản là sản xuất để đảm bảo tiềm lực mọi mặt cho chiến tranh, chiến đấu để đập tan mọi phiêu lưu quân

sự của kẻ thù và đảm bảo tuyến chi viện chiến lược cho chiến trường miền Nam.

Với vị trí chiến lược nêu trên, Quảng Bình tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ vừa mang đặc điểm chung của miền Bắc vừa mang đặc điểm riêng của một địa phương ở một vị trí địa chính trị - địa quân sự hết sức đặc biệt. Những đặc điểm đó nổi bật trên các nội dung sau:

1. ĐỐI ĐẦU VỚI CUỘC CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI KÉO DÀI LIÊN TỤC VÀ RẤT KHỐC LIỆT

Trong lịch sử chiến tranh thế giới, nhân loại chưa từng chứng kiến một cuộc chiến tranh phá hoại đơn phương và tổng lực như của đế quốc Mỹ đối với miền Bắc Việt Nam nói chung và Quảng Bình nói riêng. Mỹ đã huy động toàn bộ bộ máy chiến tranh khổng lồ của Mỹ, các nước đồng minh và bộ máy chính quyền, quân đội Việt Nam Cộng hòa để tiến hành chiến tranh phá hoại trên cả 3 phương diện chính trị, kinh tế và quân sự nhằm phá hủy toàn bộ nguồn lực tinh thần và vật chất của miền Bắc, cắt đứt mọi khả năng chi viện của miền Bắc cho cách mạng miền Nam, mưu toan giành lại thế chủ động trên chiến trường miền Nam. Quảng Bình được Mỹ lựa chọn là “*chốt chặn*” trên hành lang chi viện chiến trường nên cuộc chiến tranh phá hoại ở đây diễn ra khốc liệt chưa từng thấy.

Cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ đối với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa bằng đường không, đường biển quy mô và kéo dài, với ưu thế vượt trội về tiềm lực cả trên không, trên biển của phía gây chiến, lại có sự kết hợp giữa tấn công quân sự tổng lực với chiến tranh tâm lý và phá hoại bằng hoạt động biệt kích, với

hiều âm mưu, thủ đoạn, biến hóa khôn lường. Những gì đế quốc Mỹ huy động vào cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc đều được vận dụng vào địa bàn Quảng Bình với quy mô lớn nhất và cường độ cao nhất.

Về thời gian, cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ diễn ra liên tục từ năm 1965 đến 1973, trong đó tập trung ác liệt nhất là các năm 1965-1968 và 1972. Trong khoảng thời gian 8 năm đó, các tỉnh khu IV, trong đó có Quảng Bình, lại trở thành “*túi bom, chảo lửa*”, hứng chịu mức độ đánh phá dữ dội nhất của Mỹ. Cũng như trong chiến tranh phá hoại lần thứ nhất, Quảng Bình là nơi đầu tiên bị đánh và kết thúc sau cùng. Rộng ra là trong khoảng thời gian 1965-1973, Quảng Bình là nơi đầu tiên và kết thúc cuối cùng của cuộc chiến tranh phá hoại. Thời gian bị đánh phá dài hơn bất cứ địa phương nào trên miền Bắc.

Về lực lượng, Mỹ huy động hầu hết những loại máy bay mà không lực Hoa Kỳ có cho đến thời điểm đó, với hàng nghìn máy bay tối tân thuộc 16 loại, hơn 60 kiểu khác nhau, từ chiến đấu như AD6, F4, F8, F105, AC130, F111A, B52,... đến trinh sát như L19, máy bay không người lái QH50C, OV10, máy bay trinh sát điện tử EB66, RF4C, SR71, U2,... Thời điểm cao nhất, Mỹ huy động 31,5% lực lượng máy bay chiến thuật, 37,5% máy bay chiến lược B-52, 42,8% tàu sân bay, trong đó không quân Mỹ sử dụng hơn 54.000 lần chiếc máy bay (có 3.280 lần chiếc B52) [10].

Về hải quân, tùy từng thời điểm, thường trực chiến đấu trên vịnh Bắc Bộ luôn có trên 20 tàu các loại, trong đó có 2-3 tàu sân bay, chiếm xấp xỉ 50% Hạm đội 7; thời điểm cao nhất (8-1972) có trên 50 chiếc, 4-5 tàu sân bay (chiếm 60% Hạm đội 7) [4, tr.510-511].

Về phương thức đánh phá, Mỹ nhằm vào 4 loại mục tiêu (quân sự, giao thông, dân cư, kinh tế), trong đó do tầm chiến lược quan trọng của Quảng Bình, giao thông vận tải là mục tiêu số 1, với 40.149 lần bị đánh phá (trong khi quân sự: 5.252 lần, dân cư: 22.379 lần, kinh tế: 4.015 lần) [8, tr.380]. Mục đích đánh từ chỗ ngăn chặn giao thông đến tiến hành ngăn chặn

và phong tỏa quy mô toàn diện. Phương thức tác chiến từ *leo thang từng bước* trong chiến tranh phá hoại lần thứ nhất *chuyển sang đánh ồ ạt* trong thời gian ngắn ở cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai.

Với lực lượng không quân, hải quân được huy động lớn dùng nhiều thủ đoạn tác chiến như vậy, trong 8 năm, Mỹ đã ném bom Quảng Bình 71.825 lần. Tổng cộng, trên mảnh đất hẹp Quảng Bình, Mỹ đã trút xuống 1.557.417 quả bom và đạn pháo các loại, trung bình 1km vuông chịu 158 quả bom, 16 quả đạn pháo, 3 loạt rốc-két; 1 người dân chịu 574kg bom, 10 người dân chịu 3,5 quả đạn pháo lớn. Do quy mô đánh phá đó, hầu như không có địa phương nào ở Quảng Bình không phải hứng chịu bom đạn Mỹ, với những hậu quả vô cùng tàn khốc. Toàn bộ 133 xã, 459 thôn xóm bị đánh phá; 1 thị xã, 1 thị trấn, 31 xã và 252 thôn xóm bị hủy diệt, 93.712 nhà dân bị phá hủy, 5.394ha đất trồng trọt bị hoang hóa, 13.786 người bị chết, 22.456 người bị thương [8, tr.380].

Như vậy, không chỉ đơn thuần là cuộc chiến tranh phá hoại mà Mỹ đã tiến hành một cuộc chiến tranh tổng lực thực sự. Rõ ràng, Quảng Bình là nơi “*tu huyệt*” những mục tiêu, phương thức tiến hành, những lực lượng không quân và hải quân, những loại vũ khí hiện đại nhất của cuộc chiến tranh ngăn chặn và phong tỏa nhằm hủy diệt và cắt đứt đầu mối của những tuyến đường chiến lược chi viện cách mạng miền Nam. Do đó, thử thách của lịch sử đặt lên vai quân dân Quảng Bình một trọng trách hết sức nặng nề để vừa đứng vững để làm trọn nhiệm vụ của hậu phương vừa phải hoàn thành công tác đảm bảo vận chuyển chiến lược chi viện các chiến trường.

2. Sự phối hợp chặt chẽ và hiệu quả giữa lực lượng chiến đấu tại chỗ và lực lượng cơ động chiến đấu trên địa bàn

Để chiến đấu và chiến thắng cuộc chiến tranh phá hoại quy mô và tàn bạo nhất của đế quốc Mỹ, không có cách nào khác, sức mạnh tổng hợp của quân dân Quảng Bình phải được động viên, tập hợp và phát huy cao độ. Trên cơ sở kế thừa và phát huy truyền thống chiến

tranh nhân dân của dân tộc, quán triệt quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về chiến tranh nhân dân, vận dụng những đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội ở địa phương vào chiến đấu và sự chi viện mọi mặt của Trung ương, thể trận chiến tranh nhân dân của Quảng Bình được thiết lập rộng khắp trên các địa bàn, kết hợp chặt chẽ giữa các lực lượng tại chỗ với lực lượng chủ lực của Bộ Quốc phòng và Quân khu IV.

Làm nòng cốt cho thể trận chiến tranh nhân dân là Sư đoàn 325 và một phần Sư đoàn 341 đứng chân trên địa bàn. Khi chiến tranh phát triển, lần lượt các đơn vị này được điều vào Nam chiến đấu, nhiệm vụ phòng thủ tại chỗ chuyển giao dần sang các lực lượng địa phương. Bộ đội địa phương tỉnh và huyện vừa làm nhiệm vụ đánh địch tại chỗ vừa luân phiên vào Trị - Thiên để tăng viện chiến trường đồng thời rút kinh nghiệm chuẩn bị cho cuộc chiến đấu bảo vệ địa bàn trong trường hợp đối phương tấn công ra. Ở cấp tỉnh, từ chỗ chỉ có một tiểu đoàn bộ đội địa phương (Tiểu đoàn 45) trước chiến tranh, đến năm 1972 đã phát triển lên thành một trung đoàn (Trung đoàn 185). Ở cấp huyện, từ chỗ mỗi huyện xây dựng một đại đội du kích, cơ động trên địa bàn khi có chiến sự (năm 1962), chỉ sau một thời gian ngắn tiến lên xây dựng thành đại đội bộ đội địa phương. Các huyện Lệ Thủy, Quảng Ninh, Bố Trạch, Quảng Trạch có 1 đại đội, Minh Hóa và thị xã Đồng Hới có 1 trung đội.

Ngoài bộ binh, có thể nói Quảng Bình là nơi tập trung đầy đủ các lực lượng hải, lục, không quân của Quân đội nhân dân Việt Nam. *Về pháo binh*, có của tỉnh, quân khu và các sư đoàn chủ lực đóng trên địa bàn. *Về lực lượng phòng không* (pháo cao xạ, tên lửa, ra đa,...), từ chỗ mới có Tiểu đoàn 9 cao xạ kết hợp súng bộ binh lúc bắt đầu chiến tranh đến năm 1972 phát triển lên thành Bộ Tư lệnh 375 (quy mô trên một sư đoàn phòng không) được bố trí khắp nơi trong tỉnh, vừa rộng lại có chiều sâu, tập trung có trọng điểm, kết hợp cùng hỏa lực



Chiến sĩ Nguyễn Viết Xuân bị thương vẫn không rời trận địa tiếp tục chiến đấu với máy bay Mĩ ở Quảng Bình 1965-1967

Ảnh: **BTHQB**

tại chỗ tạo nên lưới lửa tầm thấp, tầm cao dày đặc, có thể đánh trả máy bay Mĩ vào bất cứ lúc nào, ở bất cứ mục tiêu nào. *Về hải quân*, các tàu chiến thuộc căn cứ sông Gianh dù số lượng ít, hỏa lực yếu nhưng đã tích cực tham gia đánh địch bảo vệ vùng trời và vùng biển Quảng Bình vừa làm công tác chi viện cho đảo Cồn Cỏ khi có yêu cầu. *Về không quân*, khi sân bay Đồng Hới bị phá hủy, quân dân Quảng Bình thiết lập sân bay dã chiến Khe Gát, phối hợp cùng lực lượng phòng không không quân sử dụng máy bay tiêm kích Mig 17 đánh tàu chiến Mĩ. *Về công binh*, có các đơn vị của Bộ và Quân khu kết hợp với lực lượng tại chỗ của địa phương thực hiện công tác rà phá bom mìn, xây dựng, sửa chữa đường sá, đảm bảo phương tiện vượt sông, qua phà,... Ngoài ra, Quảng Bình còn là nơi Bộ Tư lệnh Trường Sơn đặt các sở chỉ huy, thành lập các binh trạm và kho bãi để tiếp nhận, chuyên chở hàng hóa chi viện cách mạng miền Nam, cùng các đơn vị phòng không, công binh, thông tin, bộ binh,... Bảo đảm an toàn trên hai tuyến biên giới và bờ biển còn có lực lượng công an nhân dân vũ trang. Đây là lực lượng nòng cốt trong việc phát hiện, truy bắt những toán biệt kích của Mĩ và chính quyền Sài Gòn xâm nhập địa bàn và luôn sẵn sàng sát cánh cùng các lực lượng vũ trang đánh trả máy bay Mĩ.

Với quan điểm “*phát triển lực lượng dân quân tự vệ thực sự là lực lượng chủ lực của*

chiến tranh nhân dân” [7, tr.66], từ chỗ 28.243 người, chiếm khoảng 6,9% dân số (năm 1965), đến năm 1971, lực lượng dân quân tự vệ có gần 60.000 người (chiếm 13,4% dân số), được trang bị hơn 18.000 khẩu súng các loại, với hình thức tổ chức từ phân đội đến đại đội, tiểu đoàn, đặc biệt là có đại đội nữ pháo binh duy nhất của miền Bắc (Đại đội Ngư Thủy). Tham gia dân quân tự vệ có thanh niên, phụ nữ, phụ lão, công nhân, nông dân, cán bộ viên chức..., không phân biệt tôn giáo, dân tộc.

Với phương châm “*lấy ít địch nhiều*”, “*lấy thô sơ thắng hiện đại*”, Quảng Bình phát động phong trào bắn máy bay khắp toàn tỉnh, kết hợp ba thứ quân, tạo lưới lửa phòng không nhiều tầng, nhiều lớp. Mọi quan hệ, hiệp đồng huấn luyện, chiến đấu chặt chẽ giữa ba thứ quân được xây dựng vững chắc. Dân quân giúp bộ đội tiếp lương, tải đạn, xây dựng trận địa, giải quyết thương binh, tử sĩ; ngược lại bộ đội chủ lực giúp dân quân tự vệ huấn luyện chiến đấu, sử dụng những phương tiện và vũ khí mới, tiến tới đưa dân quân dần thay thế chủ lực một số nhiệm vụ, như trường hợp Đại đội nữ pháo binh Ngư Thủy thay thế Đại đội 9 bộ đội tinh chiến đấu bảo vệ vùng biển nam Quảng Bình.

Gắn liền với môi trường hoạt động của lực lượng dân quân, hệ thống làng xã chiến đấu ra đời từ thời kỳ kháng chiến chống Pháp, được phát triển lên quy mô mới, với sự tham gia rộng rãi của toàn dân. Những cụm chiến đấu liên hoàn của các làng xã hình thành và không ngừng củng cố. Công tác tổ chức tại những làng xã chiến đấu rất chặt chẽ, có lực lượng trực chiến, lực lượng đảm bảo giao thông, có đội làm hầm, đội chống sập, tổ cứu thương,... Thực tế chiến đấu đã cho thấy ở địa phương nào, lãnh đạo và chính quyền quan tâm xây dựng lực lượng bộ đội địa phương và dân quân tự vệ đồng thời tổ chức tốt hệ thống làng xã chiến đấu, ở đó vừa sản xuất tốt, vừa chiến đấu đạt hiệu suất cao.

Bước vào cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, dù là hậu phương nhưng do vị trí chiến lược của Quảng Bình đối với sự nghiệp thống nhất đất nước nên đế quốc Mỹ tập

trung đánh phá ác liệt bằng nhiều loại hỏa lực làm cho Quảng Bình, hầu như địa phương nào cũng là trận địa, nhưng đó cũng là trận địa để đánh địch.

Với lực lượng đông đảo gồm ba thứ quân, Quảng Bình đã hình thành thế trận chiến tranh nhân dân rộng khắp. Dựa trên thế trận chiến tranh nhân dân rộng khắp được thiết lập bởi lực lượng tại chỗ và bộ đội chủ lực, hơn 41 vạn dân Quảng Bình đã tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân rộng lớn vì một mục tiêu chung: đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ, hoàn thành tốt nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và chi viện cách mạng miền Nam.

Trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu, nổi lên là sự phối hợp của nhiều lực lượng trong cùng một trận đánh như những trận đấu đánh máy bay Mỹ (2/1965), của hải quân sông Gianh và các lực lượng trên bờ (28/4/1965), của trận đánh tàu chiến Mỹ của pháo binh (17/5/1967),... Để có thắng lợi của mỗi trận đánh, đặc biệt là của bộ đội tên lửa, pháo binh phải có sự hiệp đồng lực lượng rộng lớn. Tiêu biểu cho trận đánh có sự phối hợp lực lượng quy mô lớn như chiến dịch VT5 (1968), chiến dịch Hòn La 1972...

Không chỉ những trận đánh hay chiến dịch vận tải lớn mà trong tất cả lĩnh vực, khó có thể kể hết những trường hợp cụ thể về sự tham gia của toàn dân vào cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của Quảng Bình, bởi lẽ đơn giản lúc này *mỗi người dân đều là một chiến sĩ*, đảm nhiệm rất nhiều vai trò trong sản xuất, chiến đấu, phục vụ chiến đấu và chi viện chiến trường. Tất cả đã tạo ra một bức tranh sinh động của sự kết hợp nhiều lực lượng, tại chỗ và cơ động nhằm hướng đến mục đích chung: chiến thắng cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.

3. Diễn ra trên khắp các mặt trận, trong đó giao thông vận tải là nóng bỏng nhất

Bước vào cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, quân và dân Quảng Bình phải thực hiện cả 4 nhiệm vụ hết sức quan trọng là tổ chức sản xuất, đảm bảo đời sống nhân dân và tăng cường tiềm lực cho cuộc chiến đấu; tổ

chức đảm bảo mạch máu giao thông vận tải, giữ vững tốc độ và yêu cầu chi viện chiến trường; tổ chức lực lượng cơ động đánh địch trên chiến trường miền Nam, cùng chia lửa với đồng bào Trị - Thiên; tổ chức đánh địch và thắng địch tại chỗ trên đất Quảng Bình [3, tr.389].

Trong điều kiện bình thường, sản xuất là hoạt động tất yếu của bất cứ nền kinh tế nào nhưng đối với Quảng Bình, yêu cầu của sản xuất còn cao hơn thế, đó là một mặt trận thực sự, khi chính nó phải đương đầu với bom đạn Mĩ để đảm bảo những nhu cầu tối thiểu tại chỗ cho lực lượng ngày càng đông đảo trong điều kiện đường chi viện từ Trung ương vào thường xuyên bị tắc. Ở góc độ này, việc sản xuất tại chỗ của Quảng Bình nhằm thay thế nguồn hàng từ Trung ương, để ưu tiên dành cho quân sự và chi viện chiến trường còn gián tiếp góp phần đánh Mĩ.

Ngay khi có chủ trương chuyển hướng xây dựng kinh tế của Trung ương, Tỉnh ủy Quảng Bình chỉ đạo các địa phương và đơn vị nhanh chóng đưa mọi hoạt động sang thời chiến, theo nề nếp quân sự hóa. Để đảm bảo duy trì ổn định sản xuất, đòi hỏi mỗi người phải phấn đấu gắng sức làm việc bằng hai, Tỉnh ủy phát động phong trào *"Hai giới"*, khơi dậy trong toàn dân khí thế thi đua sôi nổi, quyết tâm hoàn thành mọi nhiệm vụ với kết quả cao. nỗ lực phấn đấu của quần chúng đưa lại những thành quả to lớn. Trong 8 năm chiến tranh, nền kinh tế Quảng Bình không những không bị tàn lụi như ý đồ đen tối của Nhà Trắng mà trong chừng mực còn có những bước tiến nhất định.

Một nhiệm vụ quan trọng, vô cùng cấp bách nhằm bảo toàn lực lượng, bảo vệ sinh mạng quần chúng là công tác phòng không nhân dân. Ngay từ đầu, song song với đánh trả máy bay và tàu chiến Mĩ, các ngành và địa phương đặc biệt chú trọng công tác phòng không nhân dân, coi đó là một bộ phận của cuộc chiến tranh nhân dân, một mặt tích cực để đánh thắng chiến tranh phá hoại. Về phương diện này, quân dân Quảng Bình hoàn toàn xứng đáng với lời khen ngợi của Chủ tịch Hồ

Chí Minh: *"Phòng không nhân dân cũng là việc rất cần thiết để bảo vệ tính mạng và tài sản của đồng bào. Việc này có nơi như Vĩnh Linh, Quảng Bình, ... làm được tốt"* [7, tr.82].

Trong việc đưa sức mạnh của hậu phương miền Bắc vào chiến trường miền Nam, căn bản và cấp thiết trước hết là đảm bảo huyết mạch giao thông vận tải. Do vị trí chiến lược của Quảng Bình nên *đảm bảo giao thông vận tải là mặt trận nóng bỏng nhất*, diễn ra xuyên suốt, với nhiều công việc đan xen nhau như giữa mở đường mới, chiến đấu bảo vệ đường, sửa chữa, vận chuyển, ... Với mạng lưới dọc ngang, trên tất cả các tuyến đường biển, đường sông, đường bộ, đường goòng, kể cả đường không, chằng chịt như *"trận đồ bát quái"*, trải rộng ở tất cả các địa phương, gần như tất cả các tuyến đường, đầu mối giao thông ở Quảng Bình đều là trọng điểm đánh phá, ngăn chặn của các lực lượng không quân, hải quân Mĩ. Do đó, đảm bảo giao thông vận tải không còn đơn thuần là nhiệm vụ của ngành giao thông mà là nhiệm vụ chung của tất cả các lực lượng theo tinh thần *"toàn dân đảm bảo giao thông vận tải"*. Tham gia xây dựng và sửa chữa đường sá, ngoài công binh của Đoàn 559, công binh Quân khu 4, bộ đội Sư đoàn 325 và công nhân ngành giao thông Quảng Bình, một lực lượng lớn thanh niên xung phong và dân công hỏa tuyến của địa phương và các tỉnh phía Bắc được huy động như Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa, Thái Bình, ... sát cánh cùng nhân dân địa phương.

Quảng Bình là nơi đặt các *chân hàng, kho hàng, cất giữ, bảo vệ, bảo quản hàng*. Ngoài các kho hàng chính (3 tổng kho của các binh trạm 12, 14 và 16 thuộc Đoàn 559), hầu như địa phương nào cũng là nơi cất giấu hàng hóa. Mỗi người dân ở Quảng Bình xem tham gia đảm bảo giao thông vận tải là trách nhiệm của chính mình, là nhiệm vụ mang tính thường trực. Họ tự xác định và hình thành thói quen: *"Cho không lấy, thấy không xin, của công giữ gìn, của rơi trả lại"*, *"Xe chưa qua, nhà không tiếc"*, *"Đường chưa thông, không tiếc máu xương"*, *"Đánh địch mà đi, mở đường mà tiến!"*, *"Nhường nhà để hàng, nhường làng*

dấu xe”,... trở thành phương châm hành động chung của tất cả mọi người. Tham gia vận chuyển, bất cứ người dân nào cũng là người bốc dỡ, bất cứ phương tiện nào cũng có thể tham gia.

Để giữ vững giao thông, đảm bảo thông tuyến, các địa phương đưa ra nhiều biện pháp, áp dụng nhiều sáng kiến. Đó là tổ chức, động viên các thôn, xã, xí nghiệp, công trường, nông trường, lâm trường huấn luyện cho dân quân, tự vệ và thanh niên kỹ năng đơn giản về chữa đường, cứu sập, cứu xe, cứu hàng, gỡ bom nổ chậm; chuẩn bị các điểm tránh đường, các điểm theo dõi, báo động phòng không; chuẩn bị phương tiện, công cụ (cầu/phà); xác lập các phương án dự phòng sẵn sàng thay thế,... Mỗi tuyến đường lại có cách riêng tự bảo vệ/bảo đảm giao thông như ở Lệ Thủy, mỗi gia đình ở hai bên đường số 1 và đường 15 luôn chuẩn bị sẵn 1-2 gánh bồi, 2-3 bao hoặc rổ đất đá để sẵn sàng lấp hố bom, thông đường thông xe [1, tr.185-186].

Chiến đấu để bảo vệ đường là công việc xuyên suốt, liên tục, thường xuyên của các lực lượng đảm bảo giao thông. Để các tuyến đường được thông suốt, họ phải chịu đựng khó khăn gian khổ ác liệt gấp bội bởi không chỉ đạn bom, mà thiếu thốn trăm bề về vật chất và đời sống tinh thần, bệnh tật nơi rừng sâu nước độc. Lao động, chiến đấu cực kỳ vất vả trong điều kiện thiếu lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh,... nhưng bằng ý chí và niềm tin vào thắng lợi, tất cả đều vượt qua. Ở trên Quốc lộ 1, Đường 15 và tuyến đường Trường Sơn, *“Bám mặt đường mà chiến đấu”*, *“Địch đánh rừng già ta ra rừng non. Địch đánh rừng non ta ra đồi trọc”*, *“Máu 759 có thể đổ. Đường 759 không bao giờ tắc”*,... trở thành khẩu hiệu hành động của lực lượng thanh niên xung phong, công nhân giao thông, công binh Trường Sơn, Ban 67,... bám trụ công trường để hoàn thành nhiệm vụ.

Trong quá trình lao động và chiến đấu mở và bảo vệ đường, bảo đảm giao thông thông suốt, *Quảng Bình lại sáng lên tám gương tập thể, cả tỉnh/toàn thể cộng đồng các dân tộc anh*

em về chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Đó là những địa danh dọc theo các đường Quốc lộ 1, 10, 12A, 20, 15A: phà Gianh, Quán Hàu, Long Đại, Xuân Sơn, Khe Rin, Công Trời, đèo Mụ Giạ, A-T-P, hang Tám Cô, Cự Nẫm, Thanh Khê, Mĩ Đức...; những đơn vị, tên người như các phân đội nữ dân quân trực chiến Võ Ninh, Xuân Ninh, Phong Thủy, Tiến Hóa..., rồi mẹ Suốt, chiến sĩ Trần Đức Hè, đại đội phó Trần Thị Tình, đội viên Đinh Thị Thu Nga, Nguyễn Thị Kim Huế, Nguyễn Thị Nậy,...

Để đảm bảo giao thông vận tải qua địa bàn, vì lợi ích chung của cả dân tộc, vì sự nghiệp thống nhất đất nước, người dân Quảng Bình đã không tiếc máu xương và tài sản của mình, góp trên ba triệu ngày công đào hầm, làm trận địa phục vụ chiến đấu, trên ba triệu ngày công phục vụ bốc dỡ, vận chuyển,... phục vụ giao thông vận tải, chuyển hơn 1,7 triệu tấn hàng giao cho các binh trạm của Đoàn 559 đưa vào chiến trường.

Để thực hiện được những trọng trách nói trên, quân dân Quảng Bình đã chiến đấu hàng ngàn trận với máy bay, hàng trăm trận với tàu chiến và hàng chục trận với biệt kích Mĩ và chính quyền Sài Gòn. Với thành tích hạ 704 máy bay Mĩ, Quảng Bình là ngọn cờ đầu của miền Bắc, nhiều lần được Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư khen ngợi, Đảng và Chính phủ biểu dương.

4. Đánh thắng trận đầu và càng đánh càng mạnh

Với tinh thần chủ động cao, thế trận chiến tranh nhân dân đã được chuẩn bị sẵn sàng nên khi đế quốc Mĩ tiến hành chiến tranh phá hoại ở Quảng Bình, chúng vấp phải lưới lửa phòng không rộng khắp, chịu những tổn thất lớn ngay từ trận đầu. Liên tục trong các ngày 7, 8 và 11/2/1965, 13 máy bay Mĩ bị bắn rơi và các phi công bị bắt. Phát huy thắng lợi, khắp nơi trong tỉnh bùng lên *“quyết tâm đánh thắng giặc Mĩ xâm lược”*. Nắm bắt tình hình, Tỉnh ủy Quảng Bình đã có những chủ trương sát đúng, phát hiện và nâng tầm những khẩu hiệu sáng tạo của quân chúng, làm dậy lên khí thế thi đua sôi nổi trong tất cả các địa phương, các ngành, các đơn

vị. Do đó, một điều dường như nghịch lý là chiến tranh dù có gây ra những mất mát và hy sinh nhưng không làm cho Quảng Bình yếu đi mà theo thời gian, cuộc chiến đấu của quân dân Quảng Bình ngày càng có những bước tiến vững chắc, càng đánh càng mạnh trên nhiều lĩnh vực.

Trong chiến đấu, từ những lúng túng, bở ngỡ bởi thiếu kinh nghiệm và vũ khí ban đầu, các lực lượng vũ trang và nhân dân Quảng Bình có bước tiến vượt bậc, nhanh chóng thích ứng, tìm ra phương cách đối phó có hiệu quả với vũ khí và thủ đoạn chiến tranh mới của Mĩ. Như về chống biệt kích, từ chỗ có lúc để chúng xâm nhập, không phát hiện được hoặc phát hiện nhưng không kịp huy động lực lượng để chúng gây thiệt hại cho người và tài sản đến chỗ vô hiệu hóa toàn bộ; phối hợp với các lực lượng bạn chủ động đánh địch từ xa, ngay trên vùng ngoại biên, tiến tới thực hiện “*gây ông đập lưng ông*”, sử dụng chính những tên biệt kích bị bắt để đánh lại địch.

Trong đánh máy bay, về tư tưởng, ban đầu nhiều nơi không tin súng bộ binh, súng trường có thể hạ được máy bay Mĩ nên khi bị đánh phá không dám bắn trả. Qua thực tế, một số máy bay bị bắn rơi có vết đạn của súng trường, lúc này Tỉnh ủy Quảng Bình có cơ sở để tiến hành làm công tác tư tưởng trong toàn thể lực lượng, quán triệt đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng, phát động phong trào dùng súng bộ binh bắn máy bay Mĩ [2, tr. 16]. Từ đó, tinh thần của các lực lượng vũ trang, nhất là đội với dân quân tự vệ, mới có những chuyển biến tích cực. Từ phong trào “*tay cày tay súng*”, “*tay súng tay búa*”, dân quân tự vệ tiến lên tổ chức trực chiến có trọng điểm, kết hợp với các đơn vị chủ lực đánh địch quy mô lớn, với nhiều trận hiệp đồng đa lực lượng.

Về vũ khí, đối phó với sự cải tiến nhanh chóng của vũ khí Mĩ, từ chỗ ban đầu chỉ chủ yếu có súng bộ binh của lực lượng dân quân tự vệ, súng 12,7 ly của bộ đội địa phương và cao nhất chỉ có 4 khẩu pháo cao xạ 37 ly của Sư đoàn 325 trong trận mở đầu (ngày 7/2/1965), đến chỗ tăng cường dần nhiều trung đoàn cao

xạ, bộ đội tên lửa và không quân, tiến tới lập Bộ Tư lệnh phòng không với quy mô trên sư đoàn phòng không hỗn hợp, tạo nên sự hiệp đồng binh chủng quy mô lớn ngay trên đất Quảng Bình. Việc mạnh dạn trang bị những vũ khí hiện đại như B.40, B.41, ĐKZ, súng cối, cao xạ 12,7 ly, pháo 85 ly, 100 ly cho bộ đội địa phương và dân quân thể hiện sự trưởng thành về trình độ, khả năng chiến đấu của lực lượng vũ trang Quảng Bình. Đưa lực lượng dân quân gánh vác trọng trách bảo vệ vùng biển trong điều kiện bờ biển dài nhưng lực lượng pháo binh mỏng, không đủ sức bao phủ phòng thủ toàn tuyến, với hiệu suất cao như đại đội pháo binh nữ Ngư Thủy là nét nổi bật. Dù tính năng còn hạn chế nhưng nằm trong tay các chiến sĩ dân quân tự vệ, bộ đội địa phương Quảng Bình, nhiều loại vũ khí đã phát huy hiệu lực, lập nên những chiến công xuất sắc như hạ gục những thế hệ máy bay hiện đại nhất của Mĩ bằng súng bộ binh: F111A, máy bay trinh sát điện tử,...

Nghệ thuật quân sự cũng có những bước tiến vượt bậc, nhất là trong đối phó với máy bay và tàu chiến, nhiều trận đạt hiệu suất chiến đấu cao. Từ chỗ đánh địch bằng tất cả những vũ khí trong tay, tiến tới sử dụng lực lượng tên lửa, không quân hiệp đồng đánh địch. Từ chỗ thụ động chờ địch đến mới đánh trả đến xây dựng trận địa giả, chủ động nghi binh lừa địch đến để đánh hoặc bố trí chọn đường bay mai phục đón đánh hoặc xây dựng trận địa ở những nơi địch không ngờ đến (đưa trận địa lên lên cao) hoặc lập trận địa pháo ở nơi địch chủ quan (trận 17/5/1967 hoặc của dân quân Ngư Thủy) thậm chí dùng máy bay tiêm kích chủ động đánh địch ngoài khơi xa ở nơi chúng cho là an toàn khiến địch không kịp trở tay. Việc đẩy tàu chiến Mĩ ra xa đã mở rộng khu sản xuất trên biển và hạn chế mức độ bắn phá đất liền của chúng...

Từ những kinh nghiệm trong việc đối phó với mọi âm, mưu, thủ đoạn của đế quốc Mĩ, công tác phòng tránh ngày càng có hiệu quả hơn. Những ngày đầu chiến tranh, cách làm hầm còn đơn giản, phần lớn là hầm tròn, hầm ếch, hầm chữ “L”, miệng hầm bằng những tấm

phên đan, đồ đất lên để tránh mảnh bom, mảnh đạn. Qua thực tiễn chiến đấu, kỹ thuật làm hầm ngày càng cải tiến, nâng cao. Phổ biến nhất là hầm kèo chữ “A”, có lối vào, lối ra, đắp đất dày, không gian sử dụng hầm rộng hơn. Kiểu hầm này phổ biến ra các địa phương miền Bắc với tên gọi: “*hầm Quảng Bình*”. Hầm làm nhiều loại, cho gia đình, cho tập thể; hầm cho gia súc ăn nấp, hầm bảo vệ tài sản. Để phục vụ sản xuất, với khẩu hiệu: “*Chưa có hầm chưa cấy, chưa gặt*”, hầm được làm tại ruộng, hào dẫn từ ruộng về nhà. Ở những chỗ ruộng sâu, xã viên làm hầm lưu động kéo theo để tránh bom bi,... Ở những nơi địch thường xuyên đánh phá, nhân dân xây dựng thành làng hầm, đưa mọi sinh hoạt của gia đình xuống lòng đất, thực hiện bám đất, bám làng để chiến đấu, sản xuất. Từ các làng hầm Ngư Thủy, Long Đại, Trung Trạch, Quảng Thuận,... đã phát triển rộng ra các địa phương khác, nhất là những vùng gần các trọng điểm giao thông. Hệ thống hầm hào xây dựng ngày càng vững chắc đã làm giảm mức độ thiệt hại gây ra bởi các cuộc đánh phá của không quân, hải quân Mỹ.

Trong đảm bảo giao thông vận tải, quân dân Quảng Bình từ chỗ đảm nhiệm lấp hố bom,

chỉ đường, thông xe,... tiến lên thực hiện thành công những công việc đòi hỏi trình độ chuyên môn kỹ thuật phức tạp như phát hiện - rà phá bom nổ chậm, bom bi, bom từ trường,... bằng những phương pháp thủ công; lần lượt vượt qua cuộc chiến ngăn chặn, phong tỏa giao thông.

Như thế, sự phát triển toàn diện của cuộc chiến tranh nhân dân ở Quảng Bình trong những năm 1965-1973 chính là nhân tố cơ bản nhất, quyết định thắng lợi trước cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, đúng như lời khen ngợi của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “*Quảng Bình càng đánh càng thắng, càng đánh càng mạnh*” [6, tr.350].

Cuộc chiến tranh nhân dân đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc nói chung, trên địa bàn Quảng Bình nói riêng đã khép lại hơn 4 thập kỷ nhưng những chiến công và kỳ tích của nhân dân Quảng Bình trong kháng chiến chống Mỹ, đặc biệt là những thành công trong việc xây dựng thể trận chiến tranh nhân dân đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ đã, đang và mãi mãi sẽ là bài học quý báu cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay ■

Tài liệu tham khảo:

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Lệ Thủy (2000), *Lịch sử Đảng bộ huyện Lệ Thủy, tập 2 (1954-1975)*, Xi nghiệp in Quảng Bình.
2. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Bình (1965), *Báo cáo công tác trong năm 1965*, Phòng Lưu trữ, Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Bình.
3. Ban Chấp hành Đảng bộ Quảng Bình (2000), *Lịch sử Đảng bộ Quảng Bình, tập 2 (1954-1975)*, Đồng Hới.
4. Ban Chỉ đạo Tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị (1995), *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước - Thắng lợi và bài học*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập, tập 6 (1950-1952)*, Xuất bản lần thứ hai, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
6. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập, tập 11 (1963-1966)*, Xuất bản lần thứ hai, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
7. Nguyễn Khắc Thái (1977), *Đảng bộ Quảng Bình lãnh đạo công tác xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trong những năm chống Mỹ (1965-1968)*, Luận án tốt nghiệp ngành Lịch sử Đảng, Trường Đại học Tổng hợp, Hà Nội.
8. Thường vụ Tỉnh ủy - Đảng ủy, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (1994), *Lịch sử Quảng Bình chống Mỹ, cứu nước 1954-1975*, Đồng Hới.
9. Tỉnh ủy Quảng Bình (1969), *Báo cáo tổng kết tình hình 4 năm chống Mỹ, cứu nước*, ngày 10/5/1969, Phòng Lưu trữ Tỉnh ủy Quảng Bình.
10. Ủy ban Hành chính tỉnh Quảng Bình (1966), *Chỉ thị về việc tăng cường chỉ đạo công tác phòng không nhân dân trong tình hình khẩn trương hiện nay*, số 29 TK-NC, ngày 22/4/1966, Chi cục Văn thư Lưu trữ tỉnh Quảng Bình.